

KIỂM ĐỊNH NHỮNG ĐẶC TÍNH CỦA CHẤT LIỆU NGÔN NGỮ CHI PHỐI NGHỆ THUẬT VĂN CHƯƠNG

GS.TS BÙI MINH TOÁN

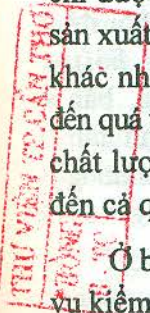
1. Ngôn ngữ là yếu tố thứ nhất của nghệ thuật văn chương, hay nói ngược lại văn chương là nghệ thuật ngôn ngữ. Đó là những sự khẳng định từ lâu và được thừa nhận rộng rãi.

Văn chương cũng như mọi ngành nghệ thuật đều cần có chất liệu. Không có chất liệu thì không thể gọt "nên hồ". Đó là điều kiện tiên quyết. Nhưng một vấn đề cần xem xét là: chất liệu chi phối, chế định như thế nào đối với nghệ thuật - đối với các quá trình sáng tác, lĩnh hội, và đối với chính tác phẩm nghệ thuật? Giống như những đồ dùng trong gia đình: cái rổ, cái rá trước đây chỉ được tạo ra từ tre nứa, nay được sản xuất bằng nhựa. Hai loại chất liệu khác nhau tất có ảnh hưởng chi phối đến quá trình sản xuất, đến cả đặc điểm, chất lượng của đồ dùng và thậm chí đến cả quá trình sử dụng chúng.

Ở bài này, chúng tôi đặt ra nhiệm vụ kiểm định một số đặc tính vốn có của chất liệu ngôn ngữ và xem xét sự chi phối của chúng đến nghệ thuật văn chương. Từ đó cũng thấy rõ thêm sự khác biệt giữa nghệ thuật ngôn từ với những ngành nghệ thuật khác.

2. Ngôn ngữ là công cụ nhận thức, tư duy và là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất của con người. Nó ra đời, tồn tại và phát triển trong xã hội loài người trước hết là để thực hiện hai chức năng cơ bản: chức năng nhận thức và chức năng giao tiếp. Nhưng một điều cũng mang tính phổ quát đối với mọi cộng đồng xã hội trên trái đất này là: sau hai chức năng trên, hay cùng với hai chức năng đó, ngôn ngữ còn được sử dụng với chức năng thứ ba - chức năng thẩm mỹ: làm chất liệu cho nghệ thuật văn chương. Chức năng này cũng hình thành từ rất sớm ở mọi cộng đồng xã hội, mọi dân tộc. Sự hình thành và tồn tại của văn chương dân gian (từ rất lâu trước khi có chữ viết) ở các dân tộc là một minh chứng rất rõ.

Đó là xét về mặt lịch sử, về mặt thời gian. Còn xét về mặt "không gian", về mặt bề rộng, thì có thể thấy: với tư cách chất liệu của nghệ thuật, ngôn ngữ là một loại chất liệu mang *tính toàn dân, tính phổ thông, tính phổ biến nhất*. Thứ chất liệu này có ở mọi người, nằm ngay trong chính mỗi con người, bởi vì trừ những người khuyết tật bẩm sinh, còn không ai là không có ngôn ngữ. Vì thế, khi sáng tạo văn



chương, người sáng tác không phải đi mua chất liệu, mà chính là "rút ruột của chính mình" để sáng tác. Về mặt này, chỉ có nghệ thuật múa là có thể so sánh được: nghệ sĩ múa dùng chính cơ thể mình làm chất liệu nghệ thuật. Còn các loại nghệ thuật khác (âm nhạc, hội họa, điêu khắc, kiến trúc, điện ảnh...) nói chung đều dùng những loại chất liệu ở bên ngoài con người, thậm chí là những chất liệu đắt tiền.

Nhờ có thứ chất liệu sẵn có như thế nên sáng tác, cảm thụ văn chương cũng là chuyện của mọi người, mọi nhà, cũng mang tính toàn dân. Mỗi người trong đời khi có cảm hứng vẫn có thể sáng tác đôi câu thơ, câu văn (chuyện các em nhỏ, hay những người dân bình thường làm thơ là thường gặp).

Sau sáng tác là khâu truyền bá. Nhờ thứ chất liệu mang tính toàn dân, nên nghệ thuật văn chương có thể được truyền bá dễ dàng và rộng rãi đến mọi người. Ngay cả khi chưa có chữ viết, chưa có kĩ thuật in ấn, chưa có những phương tiện truyền thông hiện đại như ngày nay thì tác phẩm văn chương cũng được lưu truyền rất dễ dàng từ người này sang người khác, cộng đồng này sang cộng đồng khác, thế hệ này sang thế hệ khác.

Nhờ tính toàn dân, tính phổ biến của chất liệu ngôn ngữ mà việc lĩnh hội, cảm thụ văn chương cũng không phải chuyện xa lạ, cao siêu. Những tác phẩm ưu tú của dân tộc như *Truyện Kiều* bất hủ vẫn được mọi người dân (ngay cả những người không biết chữ, không có học) cảm thụ, say mê đến thuộc lòng. Đó là những minh chứng rõ ràng. Đối với những ngành nghệ thuật khác, việc sáng tác, truyền bá

và cả việc lĩnh hội, cảm thụ không phải là chuyện đơn giản, nếu không có những điều kiện nhất định.

3. Tuy nhiên tính toàn dân của chất liệu ngôn ngữ lại không đồng nghĩa với tính nhân loại. Ở nhiều loại hình nghệ thuật khác, chất liệu là chung cho toàn nhân loại: với điêu khắc, nơi nơi (mọi dân tộc) đều dùng các chất liệu như gỗ, đá, đồng, thạch cao,... với âm nhạc - đều là âm thanh tạo nên từ các nhạc cụ, với hội họa - đều là các đường nét và màu sắc tạo nên từ những thuốc vẽ hay sơn màu nào đó...

Ngôn ngữ thì trái lại: tự bản thân mình, ngôn ngữ luôn luôn mang *tính dân tộc sâu sắc*. Ngôn ngữ là tài sản riêng của từng dân tộc, mang đặc trưng dân tộc, hơn nữa chính ngôn ngữ là một trong những đặc trưng cơ bản nhất của dân tộc. "Ngôn ngữ của một dân tộc chính là linh hồn của dân tộc đó, linh hồn của một dân tộc chính là ngôn ngữ của dân tộc đó" (W.Humboldt). Đặc trưng dân tộc của ngôn ngữ thể hiện ở tất cả các bộ phận cấu thành của nó và ở cả cái cách mà mỗi dân tộc sử dụng ngôn ngữ (như cách mà người Việt thường dùng câu hỏi để chào, nên đã tạo từ ghép *chào hỏi*). Ở các ngành nghệ thuật khác, bản thân chất liệu không mang tính dân tộc. Còn đối với nghệ thuật văn chương thì bản thân chất liệu đã mang tính dân tộc sâu sắc.

Tính dân tộc của chất liệu ngôn ngữ có sự chế định rất lớn đến các quá trình sáng tác, cảm thụ và đến chính tác phẩm văn chương. Không thể sáng tác văn chương bằng thứ ngôn ngữ xa lạ, thậm chí một thứ ngôn ngữ mà mình có biết nhưng chưa đủ

đến độ nắm được cái thần thái của nó. Càng không thể cảm thụ được tác phẩm văn chương khi không biết đến độ thuần thực chất liệu ngôn ngữ với những đặc trưng dân tộc gắn liền với nó. Lúc đó, muốn cảm thụ, hoạt động chuyển dịch ngôn ngữ đóng vai trò quan trọng và đòi hỏi sự chuyển dịch không chỉ từ ngữ bề mặt mà cả cái linh hồn dân tộc đứng đằng sau từ ngữ. Một câu ca dao được sáng tác bởi một tác giả dân gian như:

Đêm trăng thanh, anh mới hỏi nàng:

Tre non đủ lá đan sàng nên chăng?

vốn làm từ chất liệu ngôn ngữ hàng ngày của tiếng Việt, được mọi người Việt Nam bình thường biết và sử dụng. Nhưng thứ chất liệu ấy thấm đượm hồn Việt: không chỉ ở các âm thanh của từ ngữ, ở quy tắc kết hợp từ ngữ, ở thể loại lục bát (biến thể), mà còn ở nhiều phương diện khác: ở nghĩa của các từ ngữ gắn liền với những sự vật, hiện tượng đặc thù của xứ sở (*trăng thanh, tre, sàng, đan,...*), ở cách xưng hô bằng danh từ (*anh, nàng*), ở cách dùng sự vật, hành động bên ngoài để diễn tả tâm lí bên trong (*tre non đủ lá đan sàng*), ở cái cách hỏi tế nhị, kín đáo để tỏ tình... Không có những vốn hiểu biết, vốn ngôn ngữ dân tộc như vậy không thể làm ra và cảm nhận được câu ca dao.

Trong khi đó, với nhiều loại hình nghệ thuật khác, do chất liệu không mang đặc trưng riêng của dân tộc, nên không cần thiết và cũng không thể chuyển dịch sang một chất liệu tương đương nào của dân tộc khác. Cả nhân loại vẫn thường chiêm ngưỡng không đến nỗi khó khăn những bức tượng,

những công trình kiến trúc, những vũ điệu... của nhiều dân tộc khác nhau trên thế giới.

4. Một điểm khác biệt nữa, rất cơ bản của chất liệu ngôn ngữ so với chất liệu của các ngành nghệ thuật khác là: ngôn ngữ là *chất liệu mang nghĩa*. Ngôn ngữ sinh ra là để thực hiện hai chức năng cơ bản: chức năng nhận thức và chức năng giao tiếp. Toàn bộ nội dung nhận thức, tư tưởng, tình cảm, cảm xúc của con người làm thành nội dung của ngôn ngữ và khi giao tiếp với nhau, con người dùng ngôn ngữ để trao đổi những nội dung đó.

Nội dung ngữ nghĩa mà ngôn ngữ biểu hiện rất đa dạng, phong phú, thuộc mọi lĩnh vực khác nhau trong đời sống của con người. Đó không phải chỉ là kết quả phản ánh những sự vật, hiện tượng, tính chất thuộc thế giới bên ngoài con người, mà còn là cả những trạng thái tâm lí tình cảm bên trong của con người, và hơn nữa còn bao gồm cả những điều do con người liên tưởng, tưởng tượng ra. Nội dung ngữ nghĩa đó có thể là những điều rất khái quát, trừu tượng, cũng có thể là những chi tiết, cụ thể, những sắc thái tinh vi, tế nhị. Có thể nói, không một cái gì liên quan đến con người hay thuộc về con người mà ngôn ngữ không thể hiện được, và thể hiện một cách rất hiệu quả. Chẳng hạn, nhờ các từ ngữ trong tiếng Việt mà có đến mấy chục sắc thái *xanh* đã được người Việt Nam phân xuất và biểu hiện (*xanh biếc, xanh lơ, xanh thẫm, xanh ngắt, xanh dờn, xanh lè, xanh lét, xanh mét, xanh rì, xanh rờn, xanh rớt, xanh rợn, xanh um, xanh*

tươi, xanh xao, xanh nhạt, xanh da trời, xanh nước biển, xanh cổ vịt, xanh lá cây, xanh trắng sáo, xanh hòa bình,...) Trong văn chương, nhờ chất liệu ngôn ngữ, nghệ sĩ còn tạo ra nhiều sắc thái xanh khác nữa: *xanh ước mơ, xanh hi vọng, xanh tâm tưởng,...* Thiết nghĩ, trong nghệ thuật hội họa với chất liệu của mình, những nhà nghệ sĩ tài hoa cũng khó có thể pha chế màu để đáp ứng được những nhu cầu biểu hiện như thế. Hơn nữa, rất nhiều cảm nhận, rất nhiều ấn tượng *thuộc về vị giác, xúc giác* thì màu sắc trong hội họa và chất liệu của các ngành nghệ thuật khác không thể biểu hiện được. Trong khi đó với chất liệu mang nghĩa - ngôn ngữ - nghệ thuật văn chương có thể diễn tả được mọi sắc thái tinh vi của tất cả các giác quan, không riêng gì thị giác, xúc giác và thính giác. Hãy đọc câu văn diễn tả hương vị đặc sắc của sầu riêng: "*Sầu riêng thơm mùi thơm của mít chín cây quện với hương bưởi, béo cái béo của trứng gà, ngọt cái ngọt của mật ong già hạn.*" (Mai Văn Tạo), người đọc có được cảm giác như vừa thưởng thức hương vị đặc sắc của trái sầu riêng Nam Bộ.

Cũng chính nhờ chất liệu mang nghĩa, mà nghệ thuật văn chương đi sâu được vào từng ngõ ngách trong tâm tư, tình cảm của con người, trong những trạng thái tâm lí hay xúc cảm rất tinh vi, tế nhị và giải bày, thể hiện tường minh trên từng câu chữ, điều mà các loại hình nghệ thuật khác rất khó thể hiện được bằng các chất liệu của mình. Đây là những câu thơ khắc họa tâm trạng đau đớn, xót xa của nàng Kiều trong đêm khuya thanh vắng, khi nàng đành phải dứt tình với

Kim Trọng để dần thân bán mình cho họ Mã:

*Một mình nương ngọn đèn khuya,
Áo dầm giọt lệ, tóc se mái đầu.
"Phận rầu dầu vậy cũng dầu,
Xót lòng đeo đẳng bấy lâu một lời.
Công trình kẻ biết mấy mươi,
Vị ta khăng khít cho người dở dang.
Thẻ hoa chưa ráo chén vàng,
Lời thẻ thôi đã phủ phàng với hoa!
Trời Liêu non nước bao xa,
Nghĩ đâu rẽ cửa chia nhà tự tôi!
Biết bao duyên nợ thẻ bồi,
Kiếp này thôi thế thì thôi còn gì!
Tái sinh chưa dứt hương thẻ,
Làm thân trâu ngựa đền nghì trúc mai
Nợ tình chưa trả cho ai,
Khối tình mang xuống Tuyền đài
chưa tan."*

(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*, theo bản của Đào Duy Anh, *Từ điển Truyện Kiều*, Nxb KHXH)

Đặc tính mang nghĩa của chất liệu ngôn ngữ cũng là một ưu thế rất lớn đối với độc giả khi tiếp cận và lĩnh hội tác phẩm văn chương. Lúc đó người đọc sẽ huy động tất cả vốn ngôn ngữ sẵn có của mình phối hợp với vốn sống, và năng lực thẩm mĩ để lĩnh hội và cảm nhận.

Như vậy, trước khi đi vào tác phẩm văn chương, chất liệu ngôn ngữ đã có ưu thế to lớn trong việc biểu hiện nội dung ý nghĩa, đến khi được sử dụng trong tác phẩm văn chương, ưu thế ấy còn được tăng lên gấp bội

nhờ nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ của tác giả, nhờ sự cộng hưởng của ngữ cảnh và cả nhờ ở sự "đồng sáng tạo" của độc giả.

5. Xét về mặt cơ cấu, ngôn ngữ là một dạng vật chất, nhưng mang những nét riêng trong cơ chế cấu tạo. Nó là một dạng vật chất, một hợp thể bao gồm rất nhiều bộ phận hợp thành, mà tiêu biểu và đóng vai trò quan trọng là các tín hiệu ngôn ngữ. Là một chất liệu mang nghĩa, do đó mỗi tín hiệu ngôn ngữ luôn gồm hai thành tố: cái biểu hiện và cái được biểu hiện. Toàn bộ các tín hiệu trong một ngôn ngữ tạo nên một hệ thống tín hiệu. Mỗi từ của ngôn ngữ là một dạng tín hiệu tiêu biểu.

Mối quan hệ giữa hai mặt của tín hiệu ngôn ngữ (giữa cái biểu hiện và cái được biểu hiện, giữa âm thanh và ý nghĩa) có một tính chất kì lạ: vừa mang tính bất biến, lại vừa có tính khả biến. F.de Saussure đã từng nhận định: "Nếu xét trong mối tương quan với ý niệm được biểu hiện, thì cái biểu hiện tỏ ra được lựa chọn một cách tự do. Song ngược lại, đối với khối cộng đồng ngôn ngữ đang sử dụng nó, thì nó không tự do, nó có tính chất bất buộc". Và chính tính bất buộc này dẫn đến hệ quả là tín hiệu ngôn ngữ có tính bất biến. Để thực hiện được chức năng là công cụ nhận thức tư duy và là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất của cả một cộng đồng xã hội, hơn nữa, là sự nhận thức và giao tiếp giữa nhiều thế hệ kế tiếp nhau trong suốt lịch sử lâu dài, hệ thống ngôn ngữ nói chung và từng

tín hiệu ngôn ngữ nói riêng cần có tính ổn định, bất biến.

Tuy nhiên, song song với tính bất biến, tín hiệu ngôn ngữ lại có tính khả biến. Ngay trong ngôn ngữ sinh hoạt hàng ngày, mối quan hệ giữa hai mặt của tín hiệu ngôn ngữ cũng đã thường biến chuyển, thay đổi để thoả mãn nhu cầu nhận thức, biểu hiện và giao tiếp. Tín hiệu - từ *ngân hàng* ngày nay không chỉ dùng để biểu hiện nơi tích lũy tiền bạc, mà nó còn có thể biểu hiện nơi tích trữ máu hay bộ phận cơ thể trong ngành y (ngân hàng máu), nơi tích lũy đề thi trong ngành giáo dục (ngân hàng đề thi), nơi tích lũy dữ liệu trong lĩnh vực tin học (ngân hàng dữ liệu)... để khi cần thì đưa các thứ đó ra sử dụng. Từ *tóc* cũng không chỉ dùng để biểu hiện những sợi lông trên đầu người, mà còn được chuyển nghĩa để biểu hiện sợi kim loại nhỏ trong bóng đèn điện tròn. Trong nghệ thuật văn chương, nhu cầu biến đổi sáng tạo để tạo cái mới, cái lạ, cái hấp dẫn lại càng cao. Cũng là từ *tóc* nhưng trong văn chương có thể chuyển nghĩa để biểu hiện một bộ phận của cây - cành hay lá:

- *Rặng liểu đầu hiu đứng chịu tang,*

Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng.

(Xuân Diệu)

- *Quê hương tôi có con sông xanh biếc*

Nước gương trong soi tóc những hàng tre.

(Tế Hanh)

Như thế, nghĩa hay cái được biểu hiện của tín hiệu ngôn ngữ - từ, không

phải là bất biến, mà luôn ở tình trạng biến động linh hoạt nhằm thoả mãn nhu cầu biểu đạt và giao tiếp, nhất là sự giao tiếp trong văn chương.

Ngay cả mặt cái biểu hiện của tín hiệu ngôn ngữ cũng có thể biến đổi linh hoạt. Đối với tiếng Việt, vốn thuộc loại hình đơn lập, mang đặc điểm cơ bản là từ không biến đổi hình thái để biểu hiện những ý nghĩa ngữ pháp nhất định, nhưng trong hoạt động giao tiếp, nhất là trong văn chương nghệ thuật, mặt hình thức âm thanh của nó vẫn thường có thể biến hoá linh hoạt để phục vụ cho một nhu cầu thẩm mỹ. Đơn giản như trong một câu ca dao:

Đi đâu mà vội mà vàng

Mà vấp phải đá mà quàng phải dây.

Từ *vội vàng* đã biến đổi linh hoạt bằng cách tách đôi, và xen tiếng *mà* vào giữa để thể hiện một dáng đi tất tả, đôn đáo ngược xuôi của một con người.

Như thế chất liệu ngôn ngữ trong nghệ thuật văn chương *không kém độ linh hoạt, mềm dẻo*. Khi cần thiết, nó có thể biến đổi, chuyển hoá cả về mặt nội dung của tín hiệu, cả về mặt hình thức vật chất để phục vụ cho việc thể hiện mọi sắc thái tinh vi, tế nhị của nội dung nhận thức, tư tưởng, tình cảm, cảm xúc. *Tính mềm dẻo, linh hoạt* của chất liệu ngôn ngữ đối với nghệ thuật văn chương là một ưu thế giúp tạo nên những tác phẩm văn chương đa dạng, phong phú, sáng tạo, giàu cá tính.

6. Một đặc tính rất rõ của ngôn ngữ mà F. de Saussure đã nêu ra là

tính hình tuyến của tín hiệu ngôn ngữ. Ông viết: "Vốn là vật nghe được, cái biểu hiện (của tín hiệu ngôn ngữ - BMT) diễn ra trong thời gian và có những đặc điểm vốn là của thời gian: a) nó có một bề rộng, và b) bề rộng đó chỉ có thể đo trên một chiều mà thôi: đó là một đường chỉ, một tuyến". Và ông cũng cho rằng toàn bộ cơ chế của ngôn ngữ do đặc tính này chi phối.

Đối với nghệ thuật văn chương, đặc tính hình tuyến của chất liệu ngôn ngữ vừa tạo nên những ưu thế to lớn, lại vừa gây ra những cản trở, hạn chế nhất định đối với cấu trúc của tác phẩm và cả đối với hoạt động sáng tác, cũng như hoạt động lĩnh hội, cảm thụ.

Nhờ đặc tính hình tuyến của ngôn ngữ, văn chương là loại hình nghệ thuật có ưu thế rất lớn trong việc diễn tả diễn biến theo thời gian. Trước hết, nó giúp cho văn chương có khả năng biểu hiện dòng chảy bất tận của những sự kiện trong thời gian. Khả năng này về lí thuyết là vô hạn và chỉ có nghệ thuật điện ảnh là có thể so sánh được. Với chất liệu ngôn ngữ, văn chương có thể tạo nên những bộ trường thiên tiểu thuyết đồ sộ, hay những trường ca bất tận thuật lại diễn biến của những sự kiện trong suốt cả cuộc đời một con người, của cả một hay nhiều thế hệ kế tiếp nhau. Ngay cả đối với diễn biến tâm trạng bên trong của con người, ngôn ngữ cũng có thể khắc hoạ những trạng thái, những cảm xúc, những suy tư triển miên theo dòng chảy thời gian. Điều này rất khó đạt được đối với các loại hình nghệ thuật như hội hoạ, kiến trúc, điêu khắc,... vốn sử dụng những chất liệu mang đặc tính không gian. Liệu có loại hình nghệ thuật nào, trừ

nghệ thuật tổng hợp - điện ảnh - có thể sánh được với nghệ thuật văn chương trong việc diễn tả dòng lịch sử của các sự kiện kế tiếp hàng trăm năm như trong những bộ tiểu thuyết đồ sộ: *Tam quốc diễn nghĩa, Hồng lâu mộng, Chiến tranh và hòa bình, Tấn trò đời...*?

Tuy nhiên, đặc tính hình tuyến của chất liệu ngôn ngữ lại gây những cản trở không nhỏ cho nghệ thuật văn chương khi cần thể hiện những diễn biến đồng thời hay những mối quan hệ thuộc về không gian nhiều chiều. Lúc đó văn chương đành phải tuyến tính hoá không gian đa chiều, ép không gian đa chiều đó theo tuyến thời gian một chiều. Chẳng hạn, trong *Truyện Kiều*, từ sau sự kiện Thúy Kiều bán mình để cứu cha và gia đình, từ câu thơ thứ 907 đến câu thơ 2739 lời kể chuyện chỉ đi theo một tuyến - tuyến của nhân vật Thúy Kiều. Kì thực, trong thực tế, song song và đồng thời với những diễn biến ở tuyến Thúy Kiều, còn có những sự kiện xảy ra ở tuyến của Kim Trọng và gia đình Vương viên ngoại. Nhưng tuyến thứ hai đành phải gác lại và mãi đến câu thơ 2740, nó mới được tác giả thuật lại theo kiểu "nói vào sau" tuyến thứ nhất.

Ngay cả khi miêu tả một tĩnh vật, với một hình thể không lớn, nghệ thuật văn chương vẫn phải tuân thủ tính hình tuyến của bản thân chất liệu. Khác với một bức tranh hay một tác phẩm điêu khắc cùng đề tài, bài ca dao về đầm sen chỉ được tạo nên theo trình tự từ ngữ, lần lượt kế tiếp nhau, chứ các chi tiết của cảnh vật không thể hiện lên đồng thời. Có điều, tác giả dân gian đã khéo lựa chọn một cách

sắp xếp để miêu tả bức tranh theo thứ tự từ diện đến điểm, từ ngoài vào trong, từ lớn đến nhỏ (đầm - cây sen - lá - hoa - nhị) và ngược lại, từ điểm đến diện, từ nhỏ đến lớn, từ trong ra ngoài (nhị - hoa - lá - bùn):

Trong đầm gì đẹp bằng sen,

Lá xanh, bông trắng lại chen nhị vàng,

Nhị vàng, bông trắng, lá xanh,

Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.

Để khắc phục hạn chế do tính hình tuyến của chất liệu ngôn ngữ, các nhà nghệ thuật ngôn từ đành phải dùng một số thủ thuật như thông qua hồi tưởng của nhân vật, thông qua lời kể của nhân vật khác hay dùng thủ pháp đảo kết cấu, phối hợp xen kẽ các sự kiện... Hơn nữa khi tính hình tuyến là một đặc tính cơ bản của ngôn ngữ, thì con người hoàn toàn có thể sử dụng trật tự sắp xếp các từ ngữ thành một phương thức biểu đạt. Lúc đó chính trật tự hình tuyến là một thủ pháp nghệ thuật trong văn chương. Điều đó có thể thấy rõ trong một đoạn thơ của Xuân Diệu:

Của ong bướm này đây tuần tháng mật,

Này đây hoa của đồng nội xanh rì;

Này đây lá của cành tơ phơ phất;

Của yến anh này đây khúc tình si;

Và này đây ánh sáng chớp hàng mi

Mỗi buổi sớm, thần Vui hằng gõ cửa;

(*Vội vàng*, Xuân Diệu)

Mỗi câu trong đoạn thơ thường gồm ba phần: phần biểu hiện sự vật, phần chỉ kẻ sở hữu sự vật và phần chỉ

định sự vật. Nhưng trật tự sắp xếp giữa ba phần chuyển đổi và biến hoá linh hoạt qua từng câu. Chính điều đó góp phần quan trọng tạo nên âm hưởng rộn ràng, vui tươi, dồn dập mau lẹ, phục vụ đắc lực cho việc diễn tả sức sống mạnh mẽ của mùa xuân, của tuổi trẻ.

7. Ngôn ngữ còn có một đặc tính hay ưu thế nổi trội hơn hẳn so với các chất liệu nghệ thuật khác. Ấy là *đặc tính siêu ngôn ngữ*. Nó không chỉ được dùng để con người nhận thức, trao đổi với nhau những kết quả nhận thức, suy ngẫm, cảm thụ về thế giới bên ngoài ngôn ngữ, mà còn được dùng để nói về chính bản thân ngôn ngữ. Chất liệu của các ngành nghệ thuật khác không thể có khả năng này: không thể dùng những đường nét, màu sắc của một bức tranh để nói về bức tranh khác, không thể dùng chất liệu gỗ, đá, hay thạch cao của một bức tượng để nói về bức tượng khác, không thể dùng âm thanh của một bản nhạc để nói về một bản nhạc khác... Đó là tình trạng thích hợp với thành ngữ "dao sắc không gọt được chuôi". Ngôn ngữ thì trái lại, nó có thể dùng làm công cụ để thể hiện chính bản thân nó. Điều này không chỉ diễn ra ở các công trình khảo cứu về ngôn ngữ, ở các sách dạy ngôn ngữ này nhờ một ngôn ngữ khác, mà còn thường xuyên diễn ra trong giao tiếp ngôn ngữ đời thường. Người ta có thể dùng lời nói của mình để nhắc lại hay truyền đạt lời người khác, để bình phẩm, để mỉa mai, hay để ngợi ca, tán tụng lời người khác... Đó chính là lúc ngôn ngữ được dùng với chức năng siêu ngôn ngữ.

Đối với nghệ thuật văn chương, đặc tính siêu ngôn ngữ là một ưu thế rất lớn. Nhà nghệ sĩ ngôn từ dùng ngôn ngữ của mình không chỉ để tả, để kể về thế giới tự nhiên, xã hội bên ngoài hay thế giới tâm trạng bên trong của con người, mà còn dùng ngôn ngữ của mình để thuật lại lời nói, để dẫn lời nói hay bình phẩm lời nói của thế giới nhân vật trong tác phẩm, hơn nữa, nhân vật trong tác phẩm văn chương cũng dùng ngôn ngữ của mình để nhắc lại, để dẫn, để bình phẩm lời các nhân vật khác. Kết quả là trong tác phẩm văn chương có nhiều lời nói, nhiều giọng nói khác nhau, chồng lên nhau hay hoà phối với nhau, hoặc cũng có thể trái chiều nhau, đối nghịch nhau.

Một chi tiết trong truyện ngắn *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân có thể minh hoạ cho điều đó:

Rồi đến một hôm, quản ngục mở khoá cửa buồng kín, khép nép hỏi ông Huân:

- /.../ Vậy ngài có cần thêm gì nữa xin cho biết. Tôi sẽ cố gắng chu tất.

Ông đã trả lời quản ngục:

- Người hỏi ta muốn gì? Ta chỉ muốn có một điều. Là nhà người đứng có đặt chân vào đây.

(Chữ người tử tù, Nguyễn Tuân)

Đoạn trích tuy ngắn, nhưng gồm lời nói của ba người: tác giả, ông Huân và viên quản ngục. Tác giả dùng ngôn ngữ kể chuyện để dẫn trực tiếp (tất nhiên theo quan điểm của mình, chứ không phải "bê nguyên xi") lời viên quản ngục và lời ông Huân Cao, còn ông Huân Cao thì dùng ngôn ngữ của mình để một phần nhắc lại gián tiếp (với sắc thái mỉa mai, khinh miệt) lời

viên quản ngục (có thay đổi từ xưng hô và một vài từ khác: *ngài /ta, tôi/ người, cần/ muốn...*), một phần trực tiếp nói lên thái độ, xúc cảm của mình. Chính đặc tính siêu ngôn ngữ như thế đã góp phần khắc hoạ sự đa dạng về tính cách, về điểm nhìn, về cảm xúc trong tác phẩm văn chương. Điều này chỉ có thể thấy biểu hiện tương tự ở nghệ thuật điện ảnh hay sân khấu (kịch, chèo...) mà thôi, chứ tuyệt nhiên không thể có trong các ngành nghệ thuật khác.

8. Tổng kết lại, có thể thấy rằng chất liệu ngôn ngữ trong nghệ thuật văn chương có nhiều đặc tính nổi bật, khác biệt so với chất liệu của các ngành nghệ thuật khác. Những đặc tính đó đôi khi cũng gây ra hạn chế, khó khăn, nhưng chủ yếu tạo nên ưu thế cho nghệ thuật văn chương trong quá trình sáng tác của nghệ sĩ, cho khả năng biểu hiện của tác phẩm và cả cho sự lĩnh hội, cảm nhận của độc giả. Chính những ưu thế của chất liệu lại tạo tiền đề cho những ưu thế của nghệ thuật văn chương. Tuy loài người có thể có ngày một nhiều hơn những loại hình nghệ thuật mới, trong đó có cả loại hình nghệ thuật tổng hợp, nhằm thoả mãn nhu cầu ngày càng đa dạng, phong phú của đời sống tinh thần, nhưng chắc chắn là nghệ thuật văn chương, với loại chất liệu ưu việt của mình, vẫn

sẽ trường tồn và thoả mãn được nhu cầu thẩm mỹ của con người.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Phan Cảnh, Ngôn ngữ thơ, *Nxb Văn hoá thông tin*, 2001.
2. Đỗ Hữu Châu, Một số luận điểm về cách tiếp cận ngôn ngữ học các tác phẩm văn học, *T/c Ngôn ngữ*, Số 2, 1996.
3. Đỗ Việt Hùng, Nguyễn Thị Ngân Hoa, Phân tích phong cách ngôn ngữ trong tác phẩm văn chương, *ĐHSP, H.*, 2004.
4. Nguyễn Lai, Ngôn ngữ với sáng tạo và tiếp nhận văn học, *Nxb GD*, 1996.
5. I.U. M. Lotman, Cấu trúc văn bản nghệ thuật, *ĐHQG, H.*, 2004.
6. Phan Ngọc, Cách giải thích văn học bằng ngôn ngữ học, *Nxb Trẻ*, 2000.
7. F.De Saussure, Giáo trình ngôn ngữ học đại cương, *KHXH*, 2005.
8. Bùi Minh Toán, Những mối quan hệ hệ thống của ngôn ngữ và việc phân tích ngôn ngữ nghệ thuật của tác phẩm văn học trong giảng dạy tiếng Việt và văn học, *T/c Ngôn ngữ*, Số 3, 1989.
9. Nguyễn Đức Tồn, Tìm hiểu đặc trưng văn hoá dân tộc của ngôn ngữ và tư duy người Việt, *ĐHQG, H.*, 2002.
10. Hoàng Tuệ, Tuyển tập ngôn ngữ học, *Nxb GD*, 2005.